

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày: 11 - 8 - 2022

V/v: “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QL, NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đạt Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hằng;
2. Bà Hồ Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QL tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2021/TLST- DS, ngày 14/4/2021, về “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST- DS ngày 10/6/2022 và Quyết định tiếp tục phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS, ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng K (tên gọi khác: Nguyễn K), sinh năm 1946, có mặt;

Địa chỉ: Thôn 13, xã S , huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Văn N , sinh năm 1983, vắng mặt;
 2. Chị Nguyễn Thị TH, sinh năm 1990 (vợ anh N), vắng mặt;
- Cùng nơi cư trú: Thôn 13, xã S , huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị T , sinh năm 1950, vắng mặt;
 2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1954 (vợ ông K), có mặt;
- Cùng nơi cư trú: Thôn 13, xã S , huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng K (tên gọi khác: Nguyễn K) trình bày:

Năm 1991, vợ chồng ông được Hợp tác xã Đức Mậu, xã S cấp cho diện tích đất 100 m² tại xóm 13, xã S , huyện QL, tỉnh Nghệ An; phần đất này tiếp giáp với đất của bà Nguyễn Thị Nhu (chị gái ông). Trước đây, nhiều người, trong đó có ông Nguyễn Văn M (bố đẻ anh N) và ông cùng đào đất ở vùng đất này để bồi nương nên mới thành cái ao và thường gọi là ao ông M . Sau khi được Hợp tác xã Đức Mậu cấp đất thì vợ chồng ông đã bồi lấp thửa đất này làm quán và sử dụng ổn định đến năm 1994 thì ông cắt cho bà Nguyễn Thị H (em gái ông) một nửa, tức 50 m² trong thửa đất này. Năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện QL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 700416, ngày 20/6/1997, số thửa 609.1, tờ bản đồ số 114- 70 tại thôn 13, xã S , diện tích đất 50 m² mang tên Nguyễn K . Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tranh chấp gì với ai, gia đình ông chưa xây dựng công trình gì mà chỉ trồng rau màu. Đến tháng 9/2020, vợ chồng anh Nguyễn Văn N , chị Nguyễn Thị TH đã làm nhà, thuê máy múc đến một phần đất của vợ chồng ông và đặt ống nước xuống diện tích đất này. Gia đình ông đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh N , chị TH tháo dỡ tài sản dưới đất và trả lại diện tích đất nhưng anh N , chị TH không thực hiện.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị TH trả lại diện tích đất 50 m² tại thửa 609.1, tờ bản đồ số 114- 70; nay là thửa 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 54,9m² tại thôn 13, xã S , huyện QL. Đồng thời buộc anh N , chị TH phải tháo dỡ các tài sản trên đất gồm 01 ống nhựa phi 110 và 03 ống nhựa phi 27.

Ngoài ra không ai có công sức giữ gìn, tôn tạo gì với diện tích đất tranh chấp. Hiện nay ông không cho ai thuê, thế chấp, quản lý, canh tác, đầu tư tài sản trên đất có liên quan đến phần đất tranh chấp. Việc tranh chấp giữa hai bên không có liên quan đến ai khác.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất 609.1, tờ bản đồ 114- 70 tại xóm 13, xã S là của bố mẹ anh. Trước đây là ao do bố mẹ anh dùng để lấy nước tưới tiêu, có chiều rộng khoảng 8m bám đường Quốc lộ 48B. Trước năm 1991, ông K có sang xin

bố anh là ông Nguyễn Văn M lấp một phần đất ao để làm quán ăn và ông K đã bồi trúc, xây quán. Ông K sử dụng từ đó và tự ý đi kê khai làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình anh không biết. Đến năm 2018 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp đổi từ tên ông Nguyễn Văn M sang cho vợ chồng anh là Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị TH) thửa đất trên không nằm trong

phần đất nhà anh được cấp nên anh mới biết. Năm 2019 vợ chồng anh làm lại nhà và làm lại mương nên có chôn ống nước dưới thửa đất này. Nay ông K khởi kiện và yêu cầu vợ chồng anh trả lại diện tích đất 50 m² tại thửa 609.1, tờ bản đồ số 114- 70; nay là thửa 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 54,9m² tại thôn 13, xã S , huyện QL thì ý kiến anh là xin được nhận ½ thửa đất và ông K nhận ½ thửa đất. Nếu ông K không thống nhất thì anh không đồng ý trả đất cho ông K vì đất đó có nguồn gốc của bố mẹ anh. Về ống nước chôn dưới đất, do đất đang tranh chấp nên anh bỏ tạm đường ống chảy ra đường khỏi hồi thổi. Khi nào giải quyết xong đất thuộc quyền sử dụng của ai thì anh tháo dỡ các ống nước này.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Nguyễn Thị TH trình bày:

Về nguồn gốc đất là của bố mẹ chồng chị. Thời gian vợ chồng chị phát hiện thửa số 609.1, tờ bản đồ 114- 70 được Ủy ban nhân dân huyện QL cấp cho ông K từ khoảng trước năm 2009 nhưng đến nay vợ chồng chị không có khiếu nại gì về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng 2013, vợ chồng chị định làm nhà trên đất này thì ông K không cho nên mới xảy ra tranh chấp. Hai bên có làm đơn ra ủy ban nhân dân xã để giải quyết nhưng không được. Vợ chồng chị không có giấy tờ gì xác nhận thửa đất trên là của bố mẹ chồng chị, chỉ có giấy tờ xác nhận của một số người trong thôn đã nộp cho Tòa án. Nay ông K khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả lại diện tích đất 50 m² tại thửa 609.1, tờ bản đồ số 114- 70; nay là thửa 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 54,9m² tại thôn 13, xã S , huyện QL và phải tháo dỡ các tài sản trên đất gồm 01 ống nhựa phi 110 và 03 ống nhựa phi 27, thì chị thống nhất với ý kiến của anh Nguyễn Văn N , không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K .

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn M , mẹ đẻ anh Nguyễn Văn N . Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp là cái ao nằm trong đất ở mà Hợp tác xã Đức Mậu đã cắt cho vợ chồng bà. Thửa đất này tiếp giáp với đất nhà bà. Bà không nhớ cụ thể thời gian, nhưng ông K có sang xin mượn đất để làm quán. Sau đó ông K bán một phần đất ao này cho bà Nguyễn Thị H, còn một nửa của thửa đất này thì ông K nói để trả lại cho ông M , nhưng không thấy trả mà làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn K .

Nay ông K yêu cầu khởi kiện buộc anh N , chị TH trả lại thửa đất

609.1, tờ bản đồ số 114-70 và tháo dỡ các công trình dưới đất này thì ý kiến bà không nhất trí vì đất đó có nguồn gốc của vợ chồng bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày trên của ông K về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng thửa đất 609.1 tờ bản đồ 114- 70 tại xóm 13, xã S , huyện QL, tỉnh

Nghệ An. Nay ông K khởi kiện yêu cầu như trên thì bà cũng thống nhất như yêu cầu khởi kiện của ông K và không bổ sung gì thêm.

Kết quả xác minh đối với ông Nguyễn Văn Sâm (nguyên là Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã Đức Mậu thời K 1979 – 1981):

Về nguồn gốc thửa 609.1, tờ bản đồ số 114- 70 là khoảng năm 1979 - 1980, Hợp tác xã Đức Mậu cắt đất cho bà Nguyễn Thị Nhu. Thửa đất này có một đoạn bên dưới (phần đất hiện nay ông K và anh N tranh chấp) để trồng lúa, được một thời gian thì ông M đào đất vùng đó để làm nền nhà nên mới thành cái ao. Sau khi đi Liên Xô về thì ông K bồi lại đất làm thành quán, được một thời gian thì ông K bán hay cho bà Nguyễn Thị H một phần đất như thế nào ông cũng không rõ; (ông Tập là Chủ nhiệm Hợp tác xã Đức Mậu, xã S thời K đó, hiện nay đã chết).

Kết quả xác minh tại bà Nguyễn Thị Nhu cho biết:

Bà là chị gái của ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn M . Khoảng năm 1980 bà được Hợp tác xã Đức Mậu cắt cho vùng đất bao gồm toàn bộ đất hiện nay bà đang ở và đất hiện nay cấp cho vợ chồng ông K , bà H. Sau đó, ông M xin bà được đào một phần đất ở bên dưới để làm nền nhà nên mới thành cái ao. Đến khoảng năm 1990 thì ông K có xin ông M để bồi lại đất làm quán. Sau đó ông K đổi lại cho bà H một nửa, ông K một nửa và làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông K yêu cầu khởi kiện vợ chồng anh N , chị TH trả lại đất và tháo dỡ các ống nước chôn dưới đất thì bà không có ý kiến gì.

Tại biên bản ghi lời khai, bà Nguyễn Thị H trình bày: Nguồn gốc thửa 609.1, tờ bản đồ 114- 70 là do Hợp tác xã Đức Mậu cắt cho bà Nguyễn Thị Nhu. Phần trên bà Nhu ở, còn phần dưới sâu hơn thì không sử dụng đến nên Hợp tác xã quản lý. Vì đất của chung nên ông M và nhiều người khác nữa cùng đào đất ở đó để bồi lên nương nên mới thành ao sát nhà ông M . Do đó dân làng hay gọi là ao ông M chứ không phải là đất ông M như anh N trình bày. Đến năm 1990, ông K xin Hợp tác xã Đức Mậu bồi đất để làm quán thì Hợp tác xã đồng ý. Khoảng năm 1995 – 1996 hoàn cảnh của bà là mẹ đơn thân, không có chỗ ở, gia đình bàn bạc xin ông K một nửa thửa đất, nên bà được sử dụng một nửa thửa đất là 50m². Đến năm 1997, bà được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 50 m² tại thửa 609.1 này và ông K cũng được Nhà nước cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 50m², 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là khác nhau. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay bà và ông K sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp gì. Nay ông K khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh N , chị TH trả đất và buộc tháo dỡ tài sản trên thửa đất 609.1, tờ bản đồ 114- 70 tại thôn 13, xã S thì ý kiến bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông K vì thửa đất có nguồn gốc của Hợp tác xã cắt cho ông K chứ ông M không liên

quan. Bà và ông K được cấp Giấy CNQSD đất cùng một thửa mà vợ chồng anh N , chị TH chỉ tranh chấp với ông K là không đúng.

Kết quả xác minh bà Phạm Thị Hn (nguyên là Bí thư chi bộ thôn 13, xã S thời K 1999 – 2020) và ông Hồ Minh Tâm (nguyên là Chủ nhiệm Hợp tác xã Đức Mậu thời K 1987-1990):

Về nguồn gốc thửa đất bà không nắm rõ vì cái ao đã có từ trước rồi, nhưng không biết ao của ai. Đối với ông Hồ Thế Sơn, nguyên là Bí thư Đảng ủy xã S thời K 1994 – 2006 thì cho rằng thửa đất ao là của ông M , ông K tự ý đi làm bìa mà không ai biết. Ông Trần Văn Hùng, Chủ tịch xã S thời K 2010 – 2020 và là người trong xóm của ông K , anh N cho biết nguồn gốc thửa đất này là của Hợp tác xã cắt cho bà Nhu, sau đó thì ông K sử dụng bồi trúc và đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S : Bản đồ 299 tại xã S không có. Bản đồ địa chính đo năm 1995 thể hiện thửa 609.1, tờ bản đồ 114-70 có 100 m² chia hai người là ông Nguyễn K 50m² và bà Nguyễn Thị H 50m². Toàn bộ giấy tờ, sổ sách thể hiện thửa đất trên mang tên ông K ; không có giấy tờ, tài liệu nào thể hiện tên ông Nguyễn Văn M . Thửa đất số 609.1, tờ bản đồ 114-70, tại thôn 13, xã S được tách từ thửa 609, có nguồn gốc vào khoảng năm 1975 -1976, Hợp tác xã Đức Mậu, xã S cấp cho bà Nguyễn Thị Nhu để sử dụng mục đích đất ở, đất vườn. Năm 1980 ông Nguyễn Văn M (bố đẻ anh Nguyễn Văn N) làm lại nhà ở trên thửa đất số 670, liền kề với thửa 609, do đào đất từ thửa 609 để làm móng nhà nên thửa 609 mới thành cái ao. Tại thời điểm cấp đất cho bà Nhu thì phía Bắc thửa đất có mương tiêu chạy dọc theo tuyến đường Quốc lộ thời bấy giờ có chiều rộng khoảng 2,5m. Năm 1991 ông K từ Liên Xô về đổ đất lấp ao xây dựng ô tô quán. Đến năm 1997, ông K kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện QL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong tổng diện tích đất của ông K thuộc thửa 609.1 có phần diện tích đất mương nước trước đây. Tại thời điểm ông K kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay không có ai khiếu nại gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K . Thửa đất của ông M trước đây là thửa 670 nay đã sang tên cho anh

Nguyễn Văn N , chị Nguyễn Thị TH, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CM955520, theo Quyết định số 250/QĐ-UB ngày 5/2/2018 của UBND huyện QL.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Thửa đất số 609.1, tờ bản đồ 114-70, diện tích 50 m²; nay là thửa 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 54,9 m² tại thôn 13, xã S , huyện QL, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 48B, dài

4,6m; phía Nam giáp đất anh Nguyễn Văn N , dài 4,2m; phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị H và đường (phần hành lang), dài 12,15m, các cạnh: 10,88m + 1,27m; phía Tây giáp đất Hồ Quang Thành, dài 13,59m. Trong đó, phần hành lang giao thông là 16,7 m². Dưới thửa đất có chôn 01 ống nhựa Tiền phong phi 110, dài 15m và 03 ống nhựa Tiền phong phi 27, dài 20m kéo dài từ đất anh Nguyễn Văn N , chị Nguyễn Thị TH qua đất đang tranh chấp ra mương giáp đường Quốc lộ 48B, phía sát nhà bà Nguyễn Thị H.

Định giá thửa đất: $13.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 54,9\text{m}^2 = 713.700.000 \text{ đồng}$; 01 ống nhựa Tiền phong phi 110, giá 1.755.000 đồng và 03 ống nhựa Tiền phong phi 27, giá 600.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QL phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 115, Điều 155, Điều 165 và Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 166 và Điều 170 Luật Đất đai 2013.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị TH trả lại cho ông Nguyễn Hồng K (tên gọi khác: Nguyễn K) thửa đất 609.1, tờ bản đồ 114-70 diện tích 50m²; nay là thửa 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 54,9 m² tại xóm 13, xã S , huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Buộc anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị TH tháo dỡ 01 ống nước phi 110 và 03 ống nước phi 27 có chiều dài nằm trên phần đất của ông K là 13,59 m.

Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị TH phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị TH đều có nơi cư trú tại xã S, huyện QL và đối tượng tranh chấp trong vụ án là bất động sản (gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất tại thôn 13, xã S, huyện QL) nên Tòa án nơi bị đơn cư trú và nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện QL theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a và c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật, và tư cách tố tụng: Ông Nguyễn Hồng K khởi kiện vợ chồng anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị TH trả lại tài sản là quyền sử dụng đất do sử dụng trái phép theo Điều 166 Bộ luật dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là: Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, theo quy định tại khoản 2 và khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị TH và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, như vậy các đương sự đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về nguồn gốc đất: Thửa đất 609.1 được tách từ thửa 609, tờ bản đồ số 114 -70 (theo bản đồ địa chính đo năm 1995), tại xóm 13, xã S, huyện QL. Thửa 609 được tách cho ông Nguyễn K 50m² và bà Nguyễn Thị H

50m². Căn cứ vào lời khai của ông Nguyễn Văn Sâm là Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã Đức Mậu thời K 1979 -1981, của bà Nguyễn Thị Nhu và bà Nguyễn Thị H có diện tích đất được cấp cùng thời K với thửa đất 609.1 đều cho thấy thửa đất trên đều có nguồn gốc của Hợp tác xã Đức Mậu cấp cho bà Nguyễn Thị Nhu. Anh N, chị TH đều cho rằng thửa đất đó của bố anh là ông Nguyễn Văn M, nhưng không xuất trình được giấy tờ, không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Tòa án đã tiến hành xác minh một số người có tên trong giấy xác nhận của anh Nguyễn Văn N đã nộp cho Tòa án, nhưng họ đều không xác định được nguồn gốc đất ao là của ai. Đồng thời kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân

xã S cũng cho thấy nguồn gốc thửa 609.1 của ông K bao gồm phần đất của Hợp tác xã Đức Mậu cắt cho bà Nguyễn Thị Nhu và phần đất nương nước trước đây của Hợp tác xã Đức Mậu, do đó nguồn gốc thửa đất không phải của ông Nguyễn Văn M như anh N, chị TH và bà T trình bày.

[2.2]. Về quá trình đăng ký kê khai, sử dụng: Qua điều tra xác minh đều cho thấy, năm 1991 ông K bồi trúc toàn bộ thửa đất trên và xây dựng 01 quán, sau đó ông K không sử dụng 01 quán nữa thì cho bà Nguyễn Thị H sử dụng, không có ai tranh chấp gì. Nên khi có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông

K và bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay không có ai khiếu nại, tranh chấp gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm năm 2018 khi anh N , chị TH biết việc thửa đất này đã mang tên ông K nhưng từ đó đến trước khi khởi kiện không có khiếu nại gì. Đồng thời Tòa án đã thông báo giao trách nhiệm cho anh Ninh, chị TH có khiếu nại gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K không, nhưng anh N chị TH vẫn không có bất cứ yêu cầu nào. Theo Công văn trả lời số 111/UBND-ĐC, ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã S ; Công văn số 965/UBND-TNMT, ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện QL và Công văn số 87/CNVPĐK, ngày 15/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện QL, đều cho thấy toàn bộ hồ sơ liên quan đến thửa đất 609.1 tờ bản đồ số 114- 70 đều mang tên ông Nguyễn K , không có tài liệu nào thể hiện tên ông Nguyễn Văn M . Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn K là đúng với quy định pháp luật. Quá trình sử dụng, ông K chưa xây dựng tài sản gì trên đất, nhưng diện tích đất này vẫn có ranh giới sử dụng ổn định và không tranh chấp với các hộ liền kề. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của ông K về việc buộc anh N , chị TH trả lại diện tích đất tại thửa 609.1, tờ bản đồ số 114-70, diện tích 50 m²; nay là thửa số 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 54,9 m² tại

xóm 13, xã S , huyện QL, tỉnh Nghệ An.

[2.3]. Về yêu cầu tháo dỡ các tài sản trên đất:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá ngày 26 tháng 11 năm 2021 thì các đương sự thừa nhận tài sản của anh N chôn dưới thửa đất này gồm: 01 ống nhựa Tiền phong, phi 110, dài 15m và 03 ống nhựa Tiền phong, phi 27, dài 20m, kéo dài từ đất anh N qua thửa 609.1 ra đến nương nước giáp đường Quốc lộ 48B. Do bị đơn anh Nguyễn Văn N , chị Nguyễn Thị TH sử dụng, chiếm hữu tài sản là quyền sử dụng đất tranh chấp trong vụ án không có căn cứ pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật dân sự, nên cần buộc vợ chồng anh N , chị TH có nghĩa vụ tháo dỡ các tài sản là 01 ống nước phi 110

và 03 ống nước phi 27 nằm về phía Đông giáp thửa 31 của bà Nguyễn Thị H, có chiều dài 12,5m.

Từ những căn cứ trên, xét thấy yêu cầu kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, tháo dỡ các tài sản trên diện tích đất của nguyên đơn là có cơ sở, vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bị đơn không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu giải quyết thêm về vấn đề gì nên miễn xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng K tự nguyện chịu nộp và không có yêu cầu gì đối với khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Điều 146, khoản 4 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 115, Điều 155, khoản 2 Điều 165, Điều 166 Bộ luật dân sự;

- Điều 166 và Điều 170 Luật Đất đai 2013;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng K (tên gọi khác Nguyễn K).

[1.1]. Buộc anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị TH đều phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hồng K thửa đất 609.1, tờ bản đồ số 114-70, diện tích 50m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 700416 do Ủy ban nhân dân huyện QL cấp ngày 20/6/1997, mang tên ông Nguyễn K); nay là thửa 23, tờ bản đồ số 5, diện tích đất 54,9m² (trong đó có 4,9m² được tạm giao), tại thôn 13, xã S , huyện QL, tỉnh Nghệ An; có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 48B, dài 4,6m;

- Phía Nam giáp đất anh Nguyễn Văn N , dài 4,2m;

- Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị H và đường (phần hành lang), dài 12,15m, các cạnh: 10,88m + 1,27m;

- Phía Tây giáp đất anh Hồ Quang Thành, dài 13,59m. Trong đó, phần hành lang giao thông là 16,7 m².

[1.2]. Buộc anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị TH đều phải có nghĩa

vụ tháo dỡ các tài sản chôn dưới thửa đất, bao gồm: 01 ống nhựa Tiền phong phi 110 và 03 ống nhựa Tiền phong phi 27.

[2]. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị TH cùng phải liên đới nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Chính

Nguyễn Vinh Hiến

Hồ Đạt Nghiệm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. QL;
- Chi cục THADS H. QL;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đạt Nghiệm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Chính

Nguyễn Vinh Hiến

Hồ Đạt Nghiệm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. QL;
- Chi cục THADS H. QL;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đạt Nghiệm